

Bản án số: 130/2018/DS-ST

Ngày: 04-10-2018

V/v tranh chấp “*Hợp đồng dân sự,
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Mừng;

Bà Nguyễn Thị Ly.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 352/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp “*Hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Trọng Q, sinh năm 1957;

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957.

Cùng cư trú: Khóm T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Võ Trọng Q, sinh năm 1957; (văn bản ủy quyền ngày 18/9/2018); (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Trọng Q: Ông Nguyễn T, sinh năm 1987; (văn bản ủy quyền 31/5/2018); (có mặt).

Cư trú: Số 355A, khóm T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Trương Văn S, sinh năm 1971;

Bà Dương Kim B, sinh năm 1972; (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy Q của ông Trương Văn S: Bà Dương Kim B; (văn bản ủy quyền ngày 02/10/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Trọng Q trình bày: Vào ngày 03/5/2016 (âm lịch), vợ chồng ông có cho vợ chồng ông S và bà B vay số tiền 150.000.000 đồng. Đến ngày 10/3/2016 (âm lịch), vợ chồng ông S và bà B tiếp tục vay thêm 800.000.000 đồng. Khi vay, hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, mục đích vay tiền để bổ sung vốn kinh doanh của nhà máy, biên nhận vay tiền do bà B viết vào ngày 10/12/2016 (âm lịch), bà B và ông S cùng ký tên vào biên nhận. Từ khi vay tiền (tháng 3/2016 âm lịch) đến nay, vợ chồng bà B chưa đóng lãi lần nào cũng như chưa trả nợ gốc cho vợ chồng ông. Mặc dù, ông đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu trả số nợ trên nhưng đến nay ông S, bà B vẫn chưa trả cho vợ chồng ông. Vì vậy, vợ chồng ông yêu cầu vợ chồng ông Trương Văn S và bà Dương Kim B có trách nhiệm trả số tiền vay 950.000.000 đồng (*chín trăm năm mươi triệu đồng*) và số tiền lãi trên số tiền vay tính từ tháng 3/2016 âm lịch đến tháng 5/2018 âm lịch là 26 tháng với lãi suất 1%/tháng, tương đương số tiền 247.000.000 (*hai trăm bốn mươi bảy triệu*) đồng. Tổng cộng 1.197.000.000 (*một tỷ một trăm chín mươi bảy triệu*) đồng.

* Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Dương Kim B trình bày: Bà có kinh doanh nhà máy hoạt động lau bóng lúa gạo xuất khẩu do bà làm chủ. Do cần vốn làm ăn nên bà có vay tiền của vợ chồng ông Q nhiều lần. Khi vay, có đóng lãi đầy đủ. Sau đó, do bà không có khả năng đóng lãi nữa nên bà có làm biên nhận chốt lại số tiền bà đã vay với vợ chồng ông Q, cụ thể như sau: Lần 01, ngày 05/3/2016 (âm lịch), bà chốt số tiền vay 150.000.000 đồng; lần 02, ngày 10/3/2016 (âm lịch) bà chốt thêm số tiền vay 800.000.000 đồng. Sau khi chốt số tiền vay, bà có làm biên nhận với vợ chồng ông Q, tổng cộng số tiền bà còn nợ vợ chồng ông Q 950.000.000 đồng, biên nhận không thể hiện lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận 5%/tháng, biên nhận lập ngày nào bà không nhớ rõ. Từ ngày chốt số tiền vay đến nay, bà chưa đóng tiền lãi cho ông Q lần nào. Biên nhận do bà viết và vợ chồng bà cùng ký tên. Bà vay tiền để bổ sung vốn làm ăn, công ty chỉ do một mình bà đứng tên chủ sở hữu và tất cả tài sản trong công ty do bà đứng tên và ông S không phải là thành viên của công ty nên ông S không có trách nhiệm gì đối với số nợ này. Bà thừa nhận còn nợ vợ chồng ông Q 950.000.000 đồng, bà đồng ý trả 950.000.000 đồng và số tiền lãi trên số tiền vay tính từ tháng 3/2016 âm lịch đến tháng 5/2018 âm lịch là 26 tháng với lãi suất 1%/tháng, tương đương số tiền 247.000.000 (*hai trăm bốn mươi bảy triệu*) đồng theo yêu cầu của ông Q. Hiện tại, công ty bà đang gặp khó khăn, không hoạt động được nên khi nào bà bán được công ty bà sẽ trả hết số tiền theo yêu cầu của ông Q.

* Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Văn S trình bày: Ông không đồng ý trả nợ vì số tiền vay không liên quan đến ông. Việc vay tiền do bà B trực tiếp nhận.

Tại phiên tòa,

Ông Q giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả tiền gốc 950.000.000 đồng; thay đổi yêu cầu đối với số tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả 147.000.000 đồng tiền lãi (giảm 100.000.000 đồng).

Bà B vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Ông Q, bà H khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản với ông S và bà B. Ông S và bà B cư trú tại ấp B, xã H, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. *Về nội dung*:

Giữa vợ chồng ông Q với vợ chồng bà B có xác lập hợp đồng vay tài sản theo biên nhận nợ có chữ ký xác nhận của bà B và ông S. Xét thấy, hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp.

[2.1]. *Đối với yêu cầu trả số tiền vay*: Căn cứ biên nhận nợ và lời trình bày của hai bên có cơ sở xác định vợ chồng bà B có vay của vợ chồng ông Q tổng cộng 950.000.000 đồng. Tuy ông S không đồng ý trả nợ do số tiền vay không liên quan đến ông và ông không trực tiếp nhận tiền nhưng ông có ký tên vào biên nhận. Bên cạnh đó, việc vay tiền nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh nhà máy của vợ chồng ông và khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà B. Vì vậy, ông phải có trách nhiệm đối với số nợ vay. Đến nay, vợ chồng bà B vẫn chưa trả số tiền vay cho vợ chồng ông Q là vi phạm nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử buộc ông S và bà B có nghĩa vụ trả cho ông Q và bà H số tiền vay 950.000.000 đồng là phù hợp Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

[2.2]. *Đối với yêu cầu tính lãi*:

Về thời hạn tính lãi: Hợp đồng vay tiền giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất tuy không được thể hiện trong biên nhận nợ nhưng được các bên thừa nhận nên đây là hợp đồng vay có lãi. Từ ngày lập biên nhận đến nay, bà B chưa trả tiền lãi lần nào. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ tháng 03/2016 đến tháng 05/2018 là phù hợp khoản 5 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, xét chấp nhận.

Về lãi suất: Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên là hợp đồng vay có lãi nhưng bị đơn chưa trả lãi cho nguyên đơn là vi phạm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Quyết định số 2868/2010/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản 9%/năm, lãi quá hạn 13,5%/năm (9%/năm x 150%) tương đương 1,125%/tháng, nguyên đơn yêu cầu lãi suất 1%/tháng là phù hợp, xét chấp nhận.

Về số tiền lãi: Từ tháng 3/2016 đến tháng 5/2018, tương đương 26 tháng. Số tiền lãi = 950.000.000 đồng x 1%/tháng x 26 tháng = 247.000.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện giảm 100.000.000 đồng tiền lãi cho bị đơn. Xét thấy, sự tự nguyện thay đổi yêu cầu đối với số tiền lãi của nguyên đơn không vượt quá

phạm vi khởi kiện ban đầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền lãi 147.000.000 đồng.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc bà B và ông S có trách nhiệm liên đới trả cho ông Q và bà H số tiền nợ gốc 950.000.000 đồng và tiền lãi 147.000.000 đồng là phù hợp Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3]. Về án phí:

- Ông Q, bà H được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông S, bà B vi phạm nghĩa vụ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Các Điều 298, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Trọng Q và bà Nguyễn Thị H đối với bà Dương Kim B và ông Trương Văn S.

Buộc bà Dương Kim B và ông Trương Văn S có trách nhiệm liên đới trả cho ông Võ Trọng Q và bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc 950.000.000 (*chín trăm năm mươi triệu*) đồng và tiền lãi 147.000.000 (*một trăm bốn mươi bảy triệu*) đồng. Tổng cộng 1.097.000.000 (*một tỷ không trăm chín mươi bảy triệu*) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Kim B và ông Trương Văn S có trách nhiệm liên đới phải chịu 44.910.000 (*bốn mươi bốn triệu chín trăm mười nghìn*) đồng.

Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THA dân sự Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lại Hiệp Phong